

Số: /KH-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 7 năm 2021

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Kế hoạch Quốc gia phòng, chống một số dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản nuôi, giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Thực hiện Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 434/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch Quốc gia phòng, chống một số dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản nuôi, giai đoạn 2021 - 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 phê duyệt tại Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch Quốc gia phòng, chống một số dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản nuôi, giai đoạn 2021 - 2030 phê duyệt tại Quyết định số 434/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ đề tổ chức, triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh phù hợp thực tiễn địa phương, phát huy hiệu quả, thúc đẩy ngành thủy sản tỉnh phát triển, khai thác tiềm năng, lợi thế địa phương.

2. Xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách cần ưu tiên thực hiện đối với từng lĩnh vực trong ngành thủy sản đến năm 2025, kế hoạch tổng thể đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 để phân công nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện với lộ trình cụ thể, từng bước nâng cao chất lượng quản lý Nhà nước lĩnh vực thủy sản, kịp thời phòng bệnh, khống chế và kiểm soát có hiệu quả một số dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản nuôi, xây dựng thành công các vùng, cơ sở sản xuất thủy sản an toàn dịch bệnh (ATDB) để phục vụ tiêu dùng trong nước và hướng tới xuất khẩu.

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch, chiến lược một cách nghiêm túc, đồng bộ, đồng thời với việc kiểm tra, theo dõi, đôn đốc, sơ tổng kết đánh giá, kịp thời điều chỉnh những nội dung không phù hợp, tháo gỡ khó khăn trong tổ chức thực hiện.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

a) Mục tiêu, chỉ tiêu đến năm 2030:

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất thủy sản đạt 2,5-3%/năm.

- Sản lượng thủy sản thu hoạch bình quân đạt 1.800 tấn/năm, trong đó sản lượng nuôi, trồng đạt 1.600 tấn/năm, sản lượng khai thác đạt 200 tấn/năm.

- Chủ động phòng bệnh, giám sát phát hiện và khống chế kịp thời một số bệnh nguy hiểm trên đối tượng thủy sản nuôi, không để mầm bệnh lây lan rộng, giảm thiểu thiệt hại cho người nuôi.

- Ngăn chặn có hiệu quả một số tác nhân gây bệnh nguy hiểm, nguy cơ xâm nhiễm vào địa bàn tỉnh, các bệnh mới nổi gồm: Bệnh xuất huyết mùa xuân ở cá chép (SVC); bệnh do Koi Herpes virus (KHV), bệnh nhiễm khuẩn do vi khuẩn Streptococcus trên cá chép, trắm, trôi, mè; bệnh hoại tử cơ quan tạo máu (IHNV) trên cá hồi; bệnh do TilV (TiLV) và bệnh nhiễm khuẩn do vi khuẩn Streptococcus trên cá rô phi, cá diêu hồng.

- Xây dựng được ít nhất từ 01 - 02 chuỗi sản xuất thủy sản an toàn dịch bệnh (ATDB) đối với một số bệnh nguy hiểm theo quy định, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gắn với xây dựng thương hiệu để phục vụ tiêu dùng trong nước và từng bước hướng đến xuất khẩu.

b) Tầm nhìn đến năm 2045:

- Đẩy mạnh áp dụng khoa học, công nghệ, phát triển thủy sản theo hướng thân thiện với môi trường, an toàn dịch bệnh, bảo đảm an ninh dinh dưỡng, an toàn thực phẩm, góp phần nâng cao đời sống Nhân dân. Phấn đấu tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất thủy sản đạt 3 - 4%/năm, sản lượng thủy sản thu hoạch bình quân đạt 2.400 tấn/năm.

- Tiếp tục chủ động phòng bệnh, giám sát phát hiện và khống chế kịp thời một số bệnh nguy hiểm trên đối tượng thủy sản nuôi, không để mầm bệnh lây lan diện rộng. Ngăn chặn có hiệu quả một số tác nhân gây bệnh nguy hiểm, nguy cơ xâm nhiễm vào địa bàn tỉnh.

- Xây dựng thêm từ 05- 06 chuỗi sản xuất thủy sản an toàn dịch bệnh (ATDB) đối với một số bệnh nguy hiểm theo quy định, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, gắn với xây dựng thương hiệu để phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

2. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

2.1. Tăng cường năng lực trong công tác quản lý, đào tạo nguồn nhân lực, thông tin tuyên truyền phổ biến kiến thức lĩnh vực thủy sản

- Tham gia, thực hiện công khai, minh bạch, hiệu quả các chương trình quốc gia, đề án phát triển ngành thủy sản được phê duyệt. Tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện, kịp thời điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với yêu cầu quản lý và thực tiễn trong tổ chức thực hiện. Tăng cường công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp để thực hiện tốt công tác quản lý, khai thác, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn toàn tỉnh.

- Tiếp tục củng cố tổ chức, bộ máy trong hệ thống quản lý Nhà nước về Thú y, thủy sản theo quy định, hướng dẫn của Trung ương; đẩy mạnh công tác cải

cách hành chính trong ngành thủy sản; quan tâm công tác đào, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ công chức, viên chức chuyên ngành thủy sản.

- Chú trọng công tác tập huấn khoa học kỹ thuật, đào tạo nguồn nhân lực có tay nghề cho lao động tham gia nuôi trồng, chế biến thủy sản; xây dựng các mô hình áp dụng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, sản xuất theo chuỗi liên kết để nhân rộng.

- Xây dựng chiến lược truyền thông các bệnh dịch nguy cơ phù hợp với từng đối tượng thủy sản nuôi, loại hình truyền thông; tổ chức tập huấn về truyền thông nguy cơ. Đa dạng hóa các hình thức thông tin, tuyên truyền để nâng cao nhận thức của cộng đồng về quản lý và bảo vệ môi trường nuôi trồng thủy sản, tính chất nguy hiểm của dịch bệnh thủy sản, các biện pháp phòng, chống dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản, xây dựng cơ sở, chuỗi nuôi trồng thủy sản an toàn dịch bệnh.

- Chia sẻ kết quả giám sát bị động, giám sát chủ động, xây dựng cơ sở, an toàn dịch bệnh với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu để hỗ trợ xác định thị trường tiêu thụ.

2.2. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, thúc đẩy phong trào nuôi trồng thủy sản, hình thành vùng sản xuất tập trung, chuyên canh

- Tập trung phát triển nuôi trồng thủy sản trên hồ chứa, các thủy vực nội đồng, nuôi các loài thủy sản truyền thống và thủy đặc sản có giá trị kinh tế nhằm tạo sinh kế, chủ động nguồn cung cấp thực phẩm, tạo việc làm, tăng thu nhập, góp phần giảm nghèo ở khu vực nông thôn. Khai thác lợi thế về điều kiện tự nhiên để phát triển các đối tượng thủy sản nước lạnh cung cấp cho thị trường nội địa.

- Thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản, giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Phục hồi các loài thủy sản bản địa, đặc hữu, loài quý hiếm, loài thủy sản có nguy cơ tuyệt chủng. Tổ chức bảo tồn, khai thác và phát triển nuôi trồng thủy sản gắn kết chặt chẽ, hài hòa lợi ích với phát triển các ngành kinh tế khác như du lịch, dịch vụ ...

- Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án khuyến nông chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho người nuôi trồng thủy sản; chú trọng xây dựng, phổ biến, nhân rộng các mô hình sản xuất thủy sản an toàn sinh học, sản xuất theo chuỗi, VietGAP, các mô hình sản xuất theo hình thức hợp tác để tạo vùng sản xuất hàng hóa, liên kết theo chuỗi giá trị, gắn với thị trường tiêu thụ; xây dựng các mô hình nuôi trồng thủy sản an toàn dịch bệnh phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

- Huy động nguồn lực xã hội đầu tư nâng cấp, hoàn thiện cơ sở sản xuất giống thủy sản, cung cấp tại chỗ giống thủy sản chất lượng cao, hạ giá thành, hỗ trợ hiệu quả người dân phát triển kinh tế hộ gia đình. Quan tâm đầu tư cho hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ; triển khai thực hiện chính sách khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu và chuyển giao công nghệ vào sản xuất; phối hợp nghiên cứu đặc điểm dịch tễ một số bệnh nguy

hiểm, bệnh mới nổi trên động vật thủy sản, đề xuất các biện pháp phòng, chống dịch bệnh hiệu quả.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức người dân trong công tác phòng, chống dịch bệnh và bảo vệ môi trường trong nuôi trồng thủy sản; Khuyến khích phát triển các mô hình nuôi trồng thủy sản áp dụng công nghệ mới, tiên tiến, giảm giá thành sản xuất, thân thiện môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; các mô hình nuôi hữu cơ, nuôi sinh thái, áp dụng các tiêu chuẩn chứng nhận thực hành nuôi trồng thủy sản tốt (GAP) để nâng cao giá trị và phát triển bền vững. Tăng cường năng lực phòng ngừa và cảnh báo sớm ô nhiễm môi trường trong nuôi trồng thủy sản.

- Quan tâm phát triển nuôi trồng thủy sản mục đích làm cảnh, giải trí ở các thành phố, khu đô thị, khu du lịch. Khuyến khích phát triển nuôi trồng thủy sản gắn với các hoạt động giáo dục, du lịch, tham quan.

- Đẩy mạnh thu hút các doanh nghiệp, nhà đầu tư xây dựng, phát triển mạng lưới tiêu thụ sản phẩm thủy sản đã qua chế biến và thủy sản tươi sống tại địa phương; đầu tư hệ thống kho lạnh thương mại dịch vụ tại tỉnh và cửa khẩu để lưu giữ sản phẩm thương mại, phục vụ xuất khẩu.

2.3. Phòng và khống chế có hiệu quả một số dịch bệnh nguy hiểm đang lưu hành; ngăn chặn nguy cơ xâm nhiễm một số dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản từ nước ngoài vào Việt Nam

- Tập trung, huy động các nguồn lực để chủ động phòng bệnh, chủ động giám sát, phát hiện kịp thời, ngăn chặn và khống chế có hiệu quả các bệnh nguy hiểm, bệnh mới nổi trên thủy sản được ưu tiên kiểm soát tại Kế hoạch này theo các quy định tại Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Áp dụng, tuân thủ các quy trình kỹ thuật phòng, chống dịch bệnh; tuân thủ các quy định về điều kiện cơ sở nuôi, xử lý nước thải, chất thải, mùa vụ thả giống, chất lượng con giống được kiểm dịch; áp dụng quy trình kỹ thuật nuôi, quản lý chăm sóc ao nuôi (VietGAP, GlobalGAP...); áp dụng các biện pháp hỗ trợ nâng cao sức đề kháng cho thủy sản nhằm giảm thiểu nguy cơ mắc bệnh.

- Áp dụng các biện pháp phòng bệnh, chống dịch, xử lý ổ dịch theo hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành thú y; định kỳ kiểm tra ao, hồ, lồng, bè nuôi thủy sản, xử lý động vật trung gian truyền bệnh; thu mẫu gửi xét nghiệm trong trường hợp nghi ngờ có dịch bệnh phát sinh; xử lý động vật thủy sản nghi mắc bệnh, mắc bệnh, chết; vệ sinh, tiêu độc, khử trùng và áp dụng các biện pháp xử lý ao hồ, lồng, bè nuôi thủy sản, môi trường nước, thức ăn, phương tiện, dụng cụ sử dụng trong quá trình nuôi...

- Sử dụng vắc xin để chủ động phòng bệnh cho động vật thủy sản, giảm thiểu việc sử dụng kháng sinh, ngăn ngừa kháng thuốc trong nuôi trồng thủy sản.

- Tăng cường giám sát chủ động, bị động tại các vùng nuôi và cơ sở nuôi trồng thủy sản. Thường xuyên kiểm tra cơ sở nuôi thủy sản, trường hợp phát hiện

động vật thủy sản có dấu hiệu bất thường, nghi mắc bệnh, tổ chức lấy mẫu, xét nghiệm xác định tác nhân gây bệnh và các thông số quan trắc môi trường. Điều tra dịch tễ, hướng dẫn người nuôi áp dụng các biện pháp xử lý tổng hợp theo quy định, không để dịch bệnh lây lan rộng.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu, bản đồ dịch tễ lưu hành một số bệnh nguy hiểm trên động vật thủy sản, đề xuất, hướng dẫn các biện pháp xử lý phù hợp với thực tiễn, bảo đảm ngăn ngừa dịch bệnh.

- Thực hiện nghiêm việc kiểm dịch động vật thủy sản theo quy định của pháp luật; kiểm soát ngăn chặn, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp vận chuyển, buôn bán bất hợp pháp động vật thủy sản và sản phẩm động vật thủy sản lưu hành trong nước và từ nước ngoài vào Việt Nam.

- Tăng cường kiểm soát, ngăn chặn nguy cơ xâm nhiễm một số dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản từ nước ngoài vào Việt Nam. Phối hợp ngăn chặn, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp nhập lậu, vận chuyển, buôn bán bất hợp pháp động vật thủy sản và sản phẩm động vật thủy sản qua biên giới.

2.4. Xây dựng cơ sở, chuỗi thủy sản an toàn dịch bệnh để phục vụ tiêu dùng nội địa, xuất khẩu

- Phổ biến, tập huấn, hướng dẫn địa phương, doanh nghiệp các quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Chương III, IV Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Tổ chức giám sát chủ động, xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh với các bệnh nguy hiểm, bệnh mới nổi trên động vật thủy sản.

- Tổ chức ghi chép, lưu trữ thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu của địa phương và doanh nghiệp về dịch bệnh, giám sát dịch bệnh, các tài liệu liên quan để được công nhận an toàn dịch bệnh.

2.5. Tăng cường năng lực quan trắc, cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản

- Tăng cường công tác quan trắc, cảnh báo môi trường vùng nuôi trồng thủy sản theo quy định, đặc biệt tại các vùng nuôi tập trung đối tượng nuôi chủ lực, đối tượng nuôi có giá trị kinh tế,... để cảnh báo, chủ động ứng phó với các điều kiện môi trường bất lợi nhằm giảm thiểu thiệt hại trong nuôi trồng thủy sản theo quy định, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Rà soát, đánh giá hiện trạng, bổ sung các điểm quan trắc môi trường trên địa bàn; ưu tiên quan trắc tại các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, vùng nuôi lồng trên sông, hồ lớn;

- Rà soát, đánh giá hiện trạng, bổ sung trang thiết bị, máy móc, nguồn lực cho đơn vị thực hiện nhiệm vụ quan trắc, cảnh báo môi trường.

- Tăng cường đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ thuật về quan trắc môi trường.

3. Kinh phí, cơ chế lồng ghép nguồn lực thực hiện Kế hoạch

- Nguồn ngân sách nhà nước bố trí để thực hiện chiến lược, đề án, kế hoạch phát triển thủy sản theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

- Nguồn kinh phí lồng ghép từ các chương trình, đề án liên quan theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Nguồn tài trợ, viện trợ quốc tế; huy động từ xã hội, cộng đồng và các nguồn hợp pháp khác.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai, tổ chức thực hiện kế hoạch; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện, định kỳ hằng năm tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

- Hằng năm, căn cứ vào thực tiễn nuôi trồng thủy sản trên địa bàn, chủ động xây dựng dự toán kinh phí thực hiện các nội dung của kế hoạch gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét theo quy định.

- Chỉ đạo, tổ chức tuyên truyền, đào tạo tập huấn về phòng chống dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản nuôi giai đoạn 2021-2030 theo kế hoạch Quốc gia và theo yêu cầu thực tiễn tại địa phương.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính: phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan trong việc huy động các nguồn lực, lồng ghép các nguồn vốn đầu tư để thực hiện các mục tiêu kế hoạch; hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định.

3. Sở Khoa học và Công nghệ: chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan, đơn vị có liên quan đề xuất các nhiệm vụ về khoa học công nghệ, nghiên cứu xây dựng mô hình về nuôi trồng thủy sản; mô hình phòng, chống dịch bệnh thủy sản, nhằm phục vụ phát triển thủy sản trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn xây dựng thương hiệu, và quản trị thương hiệu các sản phẩm thủy sản của tỉnh.

4. Sở Công Thương: chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan nghiên cứu đề xuất các giải pháp thúc đẩy, phát triển mạng lưới tiêu thụ sản phẩm thủy sản đã qua chế biến và thủy sản tươi sống, tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, hỗ trợ quảng bá sản phẩm, xây dựng thương hiệu; hỗ trợ tìm kiếm thị trường đầu ra cho sản phẩm tại các địa phương; phối hợp với các cơ quan liên quan đẩy mạnh thu hút các doanh nghiệp đầu tư xây dựng, phát triển hệ thống kho lạnh thương mại dịch vụ tại tỉnh và cửa khẩu để lưu giữ sản phẩm thương mại và phục vụ xuất khẩu.

5. Sở Thông tin và Truyền thông: chỉ đạo, đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, thông tin kịp thời, chính xác cho Nhân dân về nguy cơ, tác hại và diễn biến dịch bệnh thủy sản; đổi mới các hoạt động thông tin, truyền thông,

tuyên truyền sâu rộng trong các tầng lớp Nhân dân về kế hoạch thực hiện Chiến lược, Luật thủy sản, Luật Thú y và các văn bản có liên quan nhằm nâng cao nhận thức và sự vào cuộc của Nhân dân trong triển khai chiến lược phát triển thủy sản nói chung và các hoạt động liên quan đến thủy sản nói riêng.

6. Ban Chỉ đạo 389 tỉnh

- Chỉ đạo các đơn vị có liên quan tăng cường kiểm tra, kiểm soát, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép động vật thủy sản và sản phẩm động vật thủy sản từ nước ngoài vào địa bàn tỉnh; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định.

- Chỉ đạo Ban chỉ đạo 389 cấp huyện tăng cường phối hợp, chủ động chia sẻ thông tin, dữ liệu với cơ quan thú y, tổ chức triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản theo quy định của pháp luật.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Chỉ đạo các phòng, đơn vị chuyên môn triển khai tổ chức thực kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương; ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư, chủ động huy động các nguồn lực hợp pháp và thực hiện lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác để thực hiện hoàn thành các mục tiêu kế hoạch đề ra.

- Tổ chức tuyên truyền triển khai sâu rộng đến cán bộ, công chức và các đối tượng có liên quan về nội dung Kế hoạch thực hiện Chiến lược Phát triển thủy sản và các văn bản có liên quan lĩnh vực thú y, thủy sản...

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn cấp huyện kiểm tra, kiểm soát số lượng, chất lượng con giống đưa về địa phương, phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý các trường hợp con giống đưa về địa phương chưa được kiểm dịch; tổng hợp số lượng con giống, diện tích thả nuôi tại địa bàn quản lý; tăng cường giám sát, hướng dẫn các biện pháp phòng, chống dịch và báo cáo dịch bệnh theo quy định.

- Tăng cường công tác kiểm tra và thực hiện chế độ báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch theo quy định.

UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này. Trong quá trình triển khai thực hiện phát sinh khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Tổng cục Thủy sản, Bộ NN&PTNT;
- Các Sở, ban, ngành, cơ quan đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm TH-CB;
- Lưu: VT, KT(PVĐ).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lương Trọng Quỳnh